Thiền thi cổ đại

古 代 禪 詩

Việt dịch : Dương Đình Hỷ

Bài 1 :

金	鸞	寶	殿	多	情	種
Kim	loan	bảo	điện	đa	tình	chủng
白	馬	老	寺	少	春	風
Bạch	mã	lão	tự	thiếu	Xuân	phong
悟	道	修	禪	明	本	性
Ngộ	đạo	tu	thiền	minh	bản	tính
人	生	幾	何	也	匆	匆.
Nhân	sanh	kỷ	hà	dã	thông	thông.

Dịch :

Kim loan, bảo điện nhiều chủng loại
Chùa cổ Bạch mã thiếu gió Xuân
Tu Thiền ngộ đạo rõ bản tánh
Đời người vội vàng đã mấy lần.

Bài 2 :

清	淺	情	深	終	覺	夢
Thanh	thiển	tình	thâm	chung	giác	mộng
緣	來	緣	去	也	還	空
Duyên	lai	duyên	khứ	dã	hoàn	không

唯 有 佛 學 真 宜 善
Duy hữu Phật học chân nghi thiện
清 心 寡 欲 自 由 哉.
Thanh tâm quả dục tự do tai .

Dịch :

Trong, cạn tình thâm, đã tỉnh mộng
Duyên tới, duyên đi cũng hoàn không
Duy có Phật pháp thật là thiện
Tâm trong, ít muốn thực là thương.

Bài 3 :

萬 般 無 奈 同 誰 訴
Vạn ban vô nại đồng thuỳ tố
恨 不 斷 哀 愁
Hận bất đoạn ai sầu
愁 不 了 愁 恨 又 恨
Sầu bất liễu sầu hận hựu hận
無 聊 人 生 竟 為 私 慾 成 奴 傭.
Vô liêu nhân sanh cánh vi tư dục thành nô dung.

Dịch :

Vạn sự tìm ai mà tố cáo ?
Hận không ngừng càng buồn bã luôn
Buồn không hết, lại hận càng hận
Cả đời chỉ làm nô tài nhân.

Bài 4 :

讓	作	空	月	伴	佛	陀
Nhượng	tác	không	nguyệt	bạn	Phật	đà
靜	能	明	靜	魔	非	魔
Tĩnh	năng	minh	tĩnh	ma	phi	ma
兩	句	波	羅	禪		
Lưỡng	cú	ba	la	thiền		
遊	戲	人	間	本	是	清
Du	hí	nhân	gian	bản	thị	thanh

貧 爾 莫 憂!
bần nhĩ mạc ưu!

Dịch :

Nguyện làm không nguyệt, bạn Phật Đà
Có thể thanh tĩnh, hoa phi hoa
Hai câu Ba La thiền du hí
Nhân gian thanh bần, chớ lo qua !

Ngũ Ngôn Thiền Thi

Bài 1 :

東	山	西	嶺	青
Đông	sơn	Tây	lãnh	thanh
雨	下	卻	天	晴
Vũ	hạ	khước	thiên	tình
更	問	個	中	意

Canh	vấn	cá	trung	ý
鵓	鳩	生	鷂	鷹.
Bột	cưu	sinh	diêu	ưng .

Dịch :

Núi Đông, núi Tây xanh
Mưa xuống không lạnh tanh
Nếu hỏi ý trong đó
Chim Bột sanh chim Ưng.

Bài 2 :

牽	驢	飲	江	水
Khiên	lư	ẩm	giang	thuỷ
鼻	吹	波	浪	起
Tỵ	xuy	ba	lãng	khởi
岸	上	蹄	踏	蹄
Ngạn	thượng	đề	đạp	đề
水	中	嘴	連	嘴.
Thuỷ	trung	chuỷ	liên	chuỷ .

Dịch :

Dắt lừa uống nước sông
Mũi phì sóng nước lồng
Trên bờ chân đạp đạp
Trong nước mồm liền mồm.

Bài 3 :

密	室	開	金	鎖
Mật	thất	khai	kim	toả
閒	步	下	松	門
Nhàn	bộ	hạ	tùng	môn
謾	將	無	孔	笛
Mạn	tướng	vô	khổng	địch
吹	出	鳳	遊	雲.
Xuy	xuất	phượng	du	vân .

Dịch :

Mật thất mở cửa ra
Bước nhàn dưới tùng nhà
Tưởng rằng không có sáo
Phụng vào mây bay ra.

Bài 4 :

雲	開	空	自	闊
Vân	khai	không	tự	khoát
葉	落	即	歸	根
Diệp	lạc	tức	quy	căn
回	首	煙	波	里
Hồi	thủ	yên	ba	lý

漁 歌 過 遠 村.

Ngư ca quá viễn thôn .

Dịch :

Mây tan tự không rộng
Lá rụng trở về nguồn
Ngoảnh đầu coi sóng nước
Ngư ca qua viễn thôn.

Bài số 5 :

鶴 立 松 梢 月

Hạc lập tùng tiêu nguyệt

魚 行 水 底 天

Ngư hành thuỷ để thiên

風 光 都 佔 斷

Phong quang đô chiếm đoạn

不 費 一 文 錢.

Bất phí nhất văn tiền .

Dịch :

Hạc đậu tùng dưới nguyệt
Cá bơi dưới nước thiên
Phong quang đều đứt đoạn
Chẳng phí một xu tiền.

Bài số 6 :

飢	來	要	吃	飯
Cơ	lai	yêu	ngật	phạn
寒	到	即	添	衣
Hàn	đáo	tức	thiêm	y
困	時	伸	腳	睡
Khốn	thời	thân	giác	thuỵ
熱	處	愛	風	吹.
Nhiệt	xứ	ái	phong	xuy .

Dịch :

Đói thì dùng bữa
Lạnh khoác áo thêm
Mỏi duỗi chân ngủ
Nóng muốn gió êm.

Bài số 7 :

舊	竹	生	新	筍
Cựu	trúc	sanh	tân	duẩn
新	花	長	舊	枝
Tân	hoa	trường	cựu	chi
雨	催	行	客	到
Vũ	thôi	hành	khách	đáo
風	送	片	帆	歸.

Phong tống phiến phàm quy .

Dịch :

Cây tre mọc măng mới
Hoa mới ở cựu chi
Mưa giục hành khách tới
Gió tống cánh buồm về.

Bài số 8 :

遠	觀	山	有	色
Viễn	quán	sơn	hữu	sắc
近	聽	水	無	聲
Cận	thính	thuỷ	vô	thanh
春	去	花	猶	在
Xuân	khứ	hoa	do	tại
人	來	鳥	不	驚.
Nhân	lai	điểu	bất	kinh .

Dịch :

Nhìn xa núi có sắc
Lại gần nước không thanh
Xuân đi, hoa còn lại
Người tới, chim không kinh.

Bài số 9 :

打	鼓	弄	琵	琶
Đả	cổ	lộng	tỳ	bà
相	逢	兩	會	家
Tương	phùng	lưỡng	hội	gia
君	行	楊	柳	岸
Quân	hành	dương	liễu	ngạn
我	宿	渡	頭	沙.
Ngã	túc	độ	đầu	sa .

Dịch :

Đánh trống, gẩy tỳ bà
Gập gỡ cả hai nhà
Ông đi bên bờ liễu
Tôi ở bãi đầu sa.

Bài số 10 :

人	間	桂	花	落
Nhân	gian	quế	hoa	lạc
夜	靜	春	山	空
Dạ	tĩnh	Xuân	sơn	không
月	出	驚	山	鳥
Nguyệt	xuất	kinh	sơn	điểu
時	鳴	春	澗	中.

Thời minh Xuân giản trung .

Dịch :

Ở đời, hoa quế rụng
Đêm lặng, Xuân núi không
Trăng ló, kinh chim núi
Kêu vang trong suối trong.

Bài số 11 :

說	道	春	來	好
Thuyết	đạo	Xuân	lai	hảo
狂	風	太	放	顛
Cuồng	phong	thái	phóng	điên
吹	花	隨	水	去
Xuy	hoa	tuỳ	thuỷ	khứ
翻	卻	釣	魚	船.
Phiên	khước	điếu	ngư	thuyền.

Dịch :

Nói rằng Xuân tới tốt
Gió cuồng quá đảo điên
Hoa trôi theo dòng nước
Lật ngã một chiếc thuyền.

Bài số 12 :

擊	水	魚	頭	痛
Kích	thuỷ	ngư	đầu	thống
穿	林	宿	鳥	驚
Xuyên	lâm	túc	điểu	kinh
黃	昏	不	擊	鼓
Hoàng	hôn	bất	kích	cổ
日	午	打	三	更.
Nhật	ngọ	đả	tam	canh .

Dịch :

Đập nước, đau đầu cá
Qua rừng khiến chim kinh
Hoàng hôn không đánh trống
Giữa trưa báo tam canh.

Bài số 13 :

黃	昏	雞	報	曉
Hoàng	hôn	kê	báo	hiểu
半	夜	日	頭	明
Bán	dạ	nhật	đầu	minh
驚	起	雪	師	子
Kinh	khởi	tuyết	sư	tử
瞠	開	紅	眼	睛.

Sanh khai hồng nhãn tinh .

Dịch :

Hoàng hôn gà báo sáng
Nửa đêm mặt trời lên
Làm sợ sư tử tuyết
Mở mắt, ngươi đỏ hồng.

Bài số 14 :

曉 風 楊 柳 岸
Hiểu phong dương liễu ngạn
春 色 杏 花 牆
Xuân sắc hạnh hoa tường
暑 雨 琴 棋 潤
Thử vũ cầm kỳ nhuận
熏 颼 枕 簟 涼.
Huân biểu chẩm điệm lương.

Dịch :

Gió thổi bờ dương liễu
Xuân hoa hạnh ven đường
Cờ, đàn mặc mưa nắng
Làm gối, chiếu mát giường.

Bài số 15 :

枯	樹	雲	充	葉
Khô	thụ	vân	sung	diệp
凋	梅	雪	作	花
Điêu	mai	tuyết	tác	hoa
擊	桐	成	木	響
Kích	đồng	thành	mộc	hưởng
蘸	雪	吃	冬	瓜.
Tiều	tuyết	ngật	đông	qua .

Dịch :

Cây khô, mây cuốn lá
Mai héo, tuyết làm hoa
Gõ đồng thành âm hưởng
Bôi tuyết trên đông qua.

Bài số 16 :

碧	落	靜	無	雲
Bích	lạc	tĩnh	vô	vân
秋	空	明	有	月
Thu	không	minh	hữu	nguyệt
林	下	道	人	幽
Lâm	hạ	đạo	nhân	u

相 看 情 共 悅.

Tương khán tình cộng duyệt.

Dịch :

Mây trời không một cụm
Thu không có vầng trăng
Trong rừng người buồn lắm
Cùng xem vui buồn chăng.

Bài số 17 :

煙 收 山 谷 靜

Yên Thu sơn cốc tĩnh

風 送 杏 花 香

Phong tống hạnh hoa hương

永 日 蕭 然 坐

Vĩnh nhật tiêu nhiên toạ

澄 心 萬 慮 忘.

Trừng tâm vạn lự vong.

Dịch :

Thu khói, cốc núi tĩnh
Gió tống hoa hạnh hương
Cả ngày điềm nhiên toạ
Tâm lắng vạn sự vong.

Bài số 18 :

蕭	蕭	木	葉	落
Tiêu	tiêu	mộc	diệp	lạc
湛	湛	露	珠	懸
Trạm	trạm	lộ	châu	huyền
嘹	唳	衝	雲	雁
Liêu	lệ	xung	vân	nhạn
淒	清	抱	樹	蟬.
Thê	thanh	bão	thụ	thiền.

Dịch :

Hiu hiu lá cây rụng
Sương móc hạt châu treo
Chim kêu gọi bầy nhạn
Bọc lấy những con ve.

Bài số 19 :

興	來	每	獨	往
Hứng	lai	mỗi	độc	vãng
勝	事	空	自	知
Thắng	sự	không	tự	tri
行	到	水	窮	處
Hành	đáo	thuỷ	cùng	xứ
坐	看	雲	起	時.

Toạ khán vân khởi thời .

Dịch :

Hứng tới, tự đi đến
Chuyện thắng tự mình hay
Đi đến nơi cùng tận
Ngồi mà nhìn mây bay.

Bài số 20 :

泥 佛 不 渡 水
Nê Phật bất độ thuỷ
神 光 照 天 地
Thần quang chiếu thiên địa
立 雪 如 未 休
Lập tuyết như vị hưu
何 人 不 雕 偽.
Hà nhân bất điêu nguỵ.

Dịch :

Phật bùn không độ nước
Thần quang chiếu đất trời
Không ngừng đứng trong tuyết
Người nào chẳng lầm đây ?

Thất Ngôn Thiền Thi

Bài số 1 :

閒	居	無	事	可	評	論
Nhàn	cư	vô	sự	khả	bình	luận
一	炷	清	香	自	得	聞
Nhất	chú	thanh	hương	tự	đắc	văn
睡	起	有	茶	飢	有	飯
Thuỵ	khởi	hữu	trà	cơ	hữu	phạn
行	看	流	水	坐	看	雲.
Hành	khán	lưu	thuỷ	toạ	khán	vân.

Dịch :

Sống nhàn, vô sự để bình luận
Đốt bấc hương thơm ngửi thấy mùi
Thức dậy có trà, đói dùng bữa
Đi nhìn nước chẩy, ngồi nhìn mây.

Bài số 2 :

佳	人	睡	起	懶	梳	頭
Giai	nhân	thuỵ	khởi	lãn	sơ	đầu
把	得	金	釵	插	便	休
Bả	đắc	kim	thoa	sáp	tiện	hưu

大	抵	還	他	肌	骨	好
Đại	để	hài	tha	cơ	cốt	hảo
不	塗	紅	粉	也	風	流.
Bất	đồ	hồng	phấn	dã	phong	lưu.

Dịch :

Giai nhân trở dậy, lười chải tóc
Thoa vàng thôi kẹp đầu giai nhân
Đại khái xương thịt đều mạnh giỏi
Chẳng bôi phấn hồng cũng giai nhân.

Bài số 3 :

鶯	逢	春	暖	歌	聲	歇
Oanh	phùng	Xuân	noãn	ca	thanh	yết
人	遇	平	時	笑	臉	開
Nhân	ngộ	bình	thời	tiếu	kiểm	khai
幾	片	落	花	隨	水	去
Kỷ	phiến	lạc	hoa	tuỳ	thuỷ	khứ
一	聲	長	笛	出	雲	來.
Nhất	thanh	trường	địch	xuất	vân	lai .

Dịch :

Oanh gặp Xuân ấm, ngưng tiếng hót
Người gặp cảnh thường, nở nụ cười
Vài phiến hoa rụng, theo nước chẩy

Vẳng từ mây ra, tiếng sáo dài.

Bài số 4 :

西	河	師	子	九	州	聞
Tây	hà	sư	tử	cửu	châu	văn
抖	擻	金	毛	眾	獸	賓
Đẩu	tẩu	kim	mao	chúng	thú	tân
哮	吼	一	聲	天	地	靜
Hao	hống	nhất	thanh	thiên	địa	tĩnh
五	湖	四	海	奉	明	君.
Ngũ	hồ	tứ	hải	phụng	minh	quân.

Dịch :

Danh chín châu, Hà Tây sư tử
Khiến làm khách thú con kim mao
Gầm lên một tiếng vang trời đất
Bốn biển năm hồ phụng vua nào.

Bài số 5 :

枯	木	花	開	劫	外	春
Khô	mộc	hoa	khai	kiếp	ngoại	Xuân
倒	騎	玉	象	乘	麒	麟
Đảo	kỵ	ngọc	tượng	thặng	kỳ	lân

而	今	高	隱	千	峰	外
Nhi	kim	cao	ẩn	thiên	phong	ngoại
月	皎	風	清	好	日	辰.
Nguyệt	kiểu	phong	thanh	hảo	nhật	thần.

Dịch :

Cây khô nở hoa, đã qua Xuân
Thay vì voi ngọc, cưỡi kỳ lân
Nay ở ẩn cao, ngoài ngàn núi
Suốt cả ngày gió mát, trăng thanh.

Bài số 6 :

萬	象	叢	中	獨	露	身
Vạn	tượng	tùng	trung	độc	lộ	than
唯	人	自	肯	乃	方	親
Duy	nhân	tự	khẳng	nãi	phương	thân
昔	時	謬	向	途	中	覓
Tích	thời	mậu	hướng	đồ	trung	mịch
今	日	看	如	火	裡	冰.
Kim	nhật	khán	như	hoả	lý	băng.

Dịch :

Vạn tượng trong nghiệp, riêng lộ thân
Duy có người mới coi là thân

Ngày xưa hướng đường mà tìm kiếm
Ngày nay thấy như lửa trong băng.

Bài số 7 :

落	葉	已	隨	流	水	去
Lạc	diệp	dĩ	tuỳ	lưu	thuỷ	khứ
春	風	未	放	百	花	舒
Xuân	phong	vị	phóng	bách	hoa	thư
青	山	面	目	依	然	在
Thanh	sơn	diện	mục	y	nhiên	tại
盡	日	橫	陳	對	落	暉.
Tận	nhật	hoành	trần	đối	lạc	huy.

Dịch :

Lá rụng trôi theo dòng nước chẩy
Gió Xuân chưa thổi trăm hoa hoang
Mặt mũi núi xanh vẫn tự tại
Suốt ngày đặt trong nắng huy hoàng.

Bài số 8 :

煙	暖	土	膏	農	事	動
Yên	noãn	thổ	cao	nông	sự	động
一	犁	新	雨	破	春	耕
Nhất	ly	tân	vũ	phá	Xuân	canh

郊 原 渺 渺 青 無 際
Giao nguyên diểu diểu thanh vô tế
野 草 閒 花 次 第 生.
Dã thảo nhàn hoa thứ đệ sanh.

Dịch :

Khói ấm, đất mầu chuyện cầy cấy
Cái cầy, mưa mới lợi Xuân canh
Vốn xanh mơn mởn không bờ mé
Cỏ hoang, hoa nở thứ tự sanh.

Bài số 9 :

勸 君 不 用 苦 勞 神
Khuyến quân bất dụng khổ lao thần
喚 作 平 常 轉 不 親
Hoán tác bình thường chuyển bất thân
冷 淡 全 然 沒 滋 味
Lãnh đạm toàn nhiên một tư vị
一 回 舉 起 一 回 新.
Nhất hồi cử khởi nhất hồi tân.

Dịch :

Khuyên ông chẳng cần phải nhọc thần
Chỉ làm bình thường, chuyển không thân
Tất cả lãnh đạm, không tỳ vị

Một hồi hứng khởi, hồi duy tân.

Bài số 10 :

青	山	門	外	白	雲	飛
Thanh	sơn	môn	ngoại	bạch	vân	phi
綠	水	溪	邊	引	客	歸
Lục	thuỷ	khê	biên	dẫn	khách	quy
莫	怪	坐	來	頻	勸	酒
Mạc	quái	toạ	lai	tần	khuyến	tửu
自	從	別	後	見	君	稀.
Tự	tùng	biệt	hậu	kiến	quân	hy.

Dịch :

Ngoài cửa núi xanh, bay mây trắng
Nước suối xanh xanh dẫn khách về
Đừng quái ngồi hoài không mời rượu
Từ khi ly biệt, ít gặp ghê.

Bài số 11 :

世	路	風	波	不	見	君
Thế	lộ	phong	ba	bất	kiến	quân
一	回	見	面	一	傷	神
Nhất	hồi	kiến	diện	nhất	thương	thần

水	流	花	落	知	何	處
Thuỷ	lưu	hoa	lạc	tri	hà	xứ
洞	口	桃	源	別	是	春.
Động	khẩu	đào	nguyên	biệt	thị	Xuân.

Dịch :

Đường đời mưa gió ông chẳng thấy
Một lần gặp mặt, tổn tinh thần
Nước chẩy hoa trôi làm sao được
Đào nguyên cửa động chẳng là Xuân.

Bài số 12 :

幾	回	沾	水	又	拖	泥
Kỷ	hồi	triêm	thuỷ	hựu	tha	nê
年	老	心	孤	不	自	知
Niên	lão	tâm	cô	bất	tự	tri
遊	子	不	歸	空	悵	望
Du	tử	bất	quy	không	trướng	vọng
一	溪	流	水	落	花	隨.
Nhất	khê	lưu	thuỷ	lạc	hoa	tuỳ .

Dịch :

Mấy lần dính bùn, lại thấm nước
Lão già cô đơn chẳng tự hay

Du tử chưa về, mong mỏi lắm
Hoa rụng theo dòng suối nước này.

Bài số 13 :

風	蕭	蕭	兮	木	葉	飛
Phong	tiêu	tiêu	hề	mộc	diệp	phi
鴻	雁	不	來	音	信	稀
Hồng	nhạn	bất	lai	âm	tín	hy
還	鄉	一	曲	無	人	吹
Hoàn	hương	nhất	khúc	vô	nhân	xuy
令	餘	拍	手	空	遲	疑.
Lệnh	dư	phách	thủ	không	trì	nghi.

Dịch :

Gió hiu hiu thổi lá cây bay
Hồng ưng không tới tin chẳng hay
Một khúc hồi hương không người thổi
Khiến cho tôi phải vẫy vẫy tay.

Bài số 14 :

常	居	物	外	度	清	時
Thường	cư	vật	ngoại	độ	thanh	thời
牛	上	橫	將	竹	笛	吹

Ngưu	thượng	hoành	tướng	trúc	địch	xuy
一	曲	自	幽	山	自	綠
Nhất	khúc	tự	u	sơn	tự	lục
此	情	不	與	白	雲	知.
Thử	tình	bất	dữ	bạch	vân	tri.

Dịch :

Thường qua thời gian ở ngoài vật
Thổi sáo trúc ngồi ngang lưng trâu
Một khúc tự buồn, núi xanh lục
Tình này chẳng bầy mây trắng đâu.

Bài số 15 :

冰	雪	佳	人	貌	最	奇
Băng	tuyết	giai	nhân	mạo	tối	kỳ
常	將	玉	笛	向	人	吹
Thường	tướng	ngọc	địch	hướng	nhân	xuy
曲	中	無	限	花	心	動
Khúc	trung	vô	hạn	hoa	tâm	động
獨	許	東	君	第	一	枝.
Độc	hứa	Đông	Quân	đệ	nhất	chi.

Dịch :

Giai nhân băng tuyết thật lạ lắm

Đem sáo ngọc thổi cho người thường
Một khúc khiến cho tâm rung động
Riêng hứa Đông Quân đệ nhất cành.

Bài số 16 :

去	年	別	我	龍	沙	岸
Khứ	niên	biệt	ngã	Long	Sa	ngạn
今	日	逢	君	楚	水	濱
Kim	nhật	phùng	quân	Sở	thuỷ	tân
相	別	相	逢	兩	無	語
Tương	biệt	tương	phùng	lưỡng	vô	ngữ
落	花	啼	鳥	又	殘	春.
Lạc	hoa	đề	điểu	hựu	tàn	Xuân.

Dịch :

Biệt tôi bờ Long Sa, năm ngoái
Gặp ông bến Sở trong năm nay
Ly biệt, tương phùng, không lời nói
Hoa rụng, chim hót, mùa Xuân trôi.

Bài số 17 :

土	面	灰	頭	不	染	塵
Thổ	diện	hôi	đầu	bất	nhiễm	trần

華	街	柳	巷	樂	天	真
Hoa	nhai	liễu	hạng	lạc	thiên	chân
金	雞	唱	曉	瓊	樓	夢
Kim	kê	xướng	hiểu	quỳnh	lâu	mộng
一	樹	華	開	浩	劫	春.
Nhất	thụ	hoa	khai	hạo	kiếp	Xuân.

Dịch :

Lớp tro trên đất chẳng nhiễm trần
Hoa nhai liễu ngõ vui thiên chân
Gà vàng gáy sáng, tỉnh giấc mộng
Một cây hoa nở, đâu phải Xuân.

Bài số 18 :

金	鱗	透	網	欲	吞	舟
Kim	lân	thấu	võng	dục	thôn	chu
一	向	衝	波	逆	水	流
Nhất	hướng	xung	ba	nghịch	thuỷ	lưu
卻	被	漁	翁	閒	引	釣
Khước	bị	ngư	ông	nhàn	dẫn	điếu
隨	波	逐	浪	漫	悠	悠.
Tuỳ	ba	trục	lãng	mạn	du	du .

Dịch :

Kim lân chọc lưới, thuyền muốn nuốt
Hướng sóng nghich dòng nước chẩy suôi
Liền bị ông câu lừa bắt được
Đuổi sóng, theo sóng, chầm chậm thôi.

Bài số 19 :

親	到	桃	源	景	物	幽
Thân	đáo	đào	nguyên	cảnh	vật	u
一	壺	明	月	湛	如	秋
Nhất	hồ	minh	nguyệt	trạm	như	thu
反	思	洞	口	春	殘	日
Phản	tư	động	khẩu	xuân	tàn	nhật
無	數	紅	英	逐	水	流.
Vô	số	hồng	anh	trục	thuỷ	lưu .

Dịch :

Thân đến Đào Nguyên cảnh vật u
Một vầng trăng sáng rất giống Thu
Nghĩ lại động khẩu, Xuân tàn tạ
Những chiếc lá đỏ, theo nước ư !

Bài số 20 :

碧	波	深	處	釣	魚	翁
Bích	ba	thâm	xứ	điếu	ngư	ông

拋	餌	牽	絲	力	已	窮
Phao	nhĩ	khiên	ty	lực	dĩ	cùng
一	棹	清	風	明	月	下
Nhất	trác	thanh	phong	minh	nguyệt	hạ
不	知	身	在	水	晶	宮.
Bất	tri	thân	tại	thuỷ	tinh	cung.

Dịch :

Ở nơi thâm xứ, ông câu cá
Ném dây, móc mồi, sức đã cùng
Dưới vầng trăng sáng và gió mát
Chẳng hay thân đã ở thuỷ cung.

Bài số 21 :

東	街	柳	色	拖	煙	翠
Đông	nhai	liễu	sắc	đà	yên	thuý
西	巷	桃	華	相	映	紅
Tây	hạng	đào	hoa	tương	ánh	hồng
左	顧	右	盼	看	不	足
Tả	cố	hữu	phán	khan	bất	túc
一	時	分	付	與	春	風.
Nhất	thời	phân	phó	dữ	Xuân	phong.

Dịch :

Sắc liễu đường Đông nhiều khói tạp
Hoa đào ngõ Tây, tương ánh hồng
Nhìn ngang, ngó dọc vẫn chưa đủ
Nhất thời phân phó cho gió Xuân.

Bài số 22 :

山	花	如	錦	春	長	在
Sơn	hoa	như	cẩm	Xuân	trường	tại
澗	水	如	藍	碧	湛	然
Giản	thuỷ	như	lam	bích	trạm	nhiên
信	步	白	雲	深	處	去
Tín	bộ	bạch	vân	thâm	xứ	khứ
須	知	別	有	洞	中	天.
Tu	tri	biệt	hữu	động	trung	thiên.

Dịch :

Cỏ núi như gấm, Xuân còn mãi
Nước suối xanh lục, rất là trong
Mây trắng bay vào nơi xa thẳm
Nên biết có động ở bên trong.

Bài số 23 :

山 花 似 錦 水 如 藍

Sơn	hoa	tự	cẩm	thuỷ	như	lam
突	出	乾	坤	不	露	顏
Đột	xuất	càn	khôn	bất	lộ	nhan
曾	踏	武	陵	溪	畔	路
Tằng	đạp	vũ	lăng	khê	bạn	lộ
洞	中	春	色	異	人	間.
Động	trung	Xuân	sắc	dị	nhân	gian.

Dịch :

Hoa núi như gấm, nước mầu lam
Bất ngờ trời đất chẳng lộ nhan
Trên đường suối Võ Lăng dẫm đạp
Sắc Xuân trong động khác nhân gian.

Bài số 24 :

雨	前	不	見	花	間	葉
Vũ	tiền	bất	kiến	hoa	gian	diệp
雨	後	渾	無	葉	底	花
Vũ	hậu	hồn	vô	diệp	đắc	hoa
胡	蝶	紛	紛	過	牆	去
Hồ	điệp	phân	phân	qua	tường	khứ
不	知	春	色	落	誰	家.
Bất	tri	Xuân	sắc	lạc	thuỳ	gia .

Dịch :

Trước mưa không thấy cảnh hoa lá
Sau mưa không thấy lá và hoa
Bươm bướm vượt tường bay phấp phới
Không biết sắc Xuân rơi nhà nào ?

Bài số 25 :

一	拳	拳	倒	黃	鶴	樓
Nhất	quyền	quyền	đảo	Hoàng	Hạc	lâu
一	趯	趯	翻	鸚	鵡	洲
Nhất	địch	địch	phiên	anh	vũ	châu
有	意	氣	時	添	意	氣
Hữu	ý	khí	thời	thiêm	ý	khí
不	風	流	處	也	風	流.
Bất	phong	lưu	xứ	dã	phong	lưu.

Dịch :

Một chưởng, chưởng tới Hoàng Hạc lâu
Một nhẩy, nhẩy qua Anh Vũ lâu
Có ý chí thì thêm ý chí
Chẳng có phong lưu, cũng phong lưu.

Bài số 26 :

東 澗 水 流 西 澗 水

Đông	giản	thuỷ	lưu	Tây	giản	thuỷ
南	山	雲	起	北	山	雲
Nam	sơn	vân	khởi	Bắc	sơn	vân
前	台	花	發	後	台	見
Tiền	đài	hoa	phát	hậu	đài	kiến
上	界	鐘	聲	下	界	聞.
Thượng	giới	chung	thanh	hạ	giới	văn.

Dịch :

Nước suối Đông chẩy về phía Tây
Núi Nam mây khởi, núi Bắc mây
Trước đài hoa nở, sau đài thấy
Thượng giới chuông đổ, hạ giới ngây.

Bài số 27 :

知	心	非	心	意	非	意
Tri	tâm	phi	tâm	ý	phi	ý
八	風	傷	逼	豈	懷	愁
Bát	phong	thương	bức	khởi	hoài	sầu
隨	風	東	西	無	我	所
Tuỳ	phong	Đông	Tây	vô	ngã	sở
獨	脫	逍	遙	不	繫	舟.
Độc	thoát	tiêu	dao	bất	kích	châu.

Dịch :

Biết tâm, không tâm, ý không ý
Tám gió thổi bay cả nỗi buồn
Tuỳ gió Đông, Tây không có Ngã
Tiêu dao, riêng thoát chẳng buộc thuyền.

Chú thích : Bát phong là chỉ : 1/ lợi , 2/ suy , 3/ huỷ , 4/ dự (khen) , 5/xưng (ca ngợi), 6/ cơ (chế nhạ) , 7/ khổ , 8/ lạc.

Bài số 28 :

雲	收	空	闊	天	如	水
Vân	thu	không	khoát	thiên	như	thuỷ
月	載	亙	娥	四	海	流
Nguyệt	tái	cắng	nga	tứ	hải	lưu
慚	愧	牛	郎	癡	愛	叟
Tàm	quí	Ngưu	lang	si	ái	tẩu
一	心	猶	在	鵲	橋	頭.
Nhất	tâm	do	tại	thước	kiều	đầu.

Dịch :

Mây tan, không rộng, trời như nước
Trăng chứa Hằng Nga, bốn bể trôi
Ngưu Lang, lão già si hối hận
Đứng ở đầu cầu Ô Thước thôi.

Bài số 29 :

雨	洗	淡	紅	桃	萼	嫩
Vũ	tẩy	đạm	hồng	đào	ngạc	nộn
風	搖	淺	碧	柳	絲	輕
Phong	dao	thiển	bích	liễu	ty	khinh
白	雲	影	裡	怪	石	露
Bạch	vân	ảnh	lý	quái	thạch	lộ
綠	水	光	中	古	木	清.
Lục	thuỷ	quang	trung	cổ	mộc	thanh.

Dịch :

Mưa rửa nhạt nụ hoa Đào hồng
Gió nhẹ lay tơ liễu xanh xanh
Bóng mây trắng xoá phủ đường đá
Nước lục in hình bóng cây trong.

Bài số 30 :

煩	惱	海	中	為	雨	露
Phiền	não	hải	trung	vi	vũ	lộ
無	明	山	上	作	雲	雷
Vô	minh	sơn	thượng	tác	vân	lôi
鑊	湯	爐	炭	吹	教	滅
Hoạch	thang	lô	thán	xuy	giáo	diệt

劍	樹	刀	山	喝	使	催.
Kiếm	thụ	đao	sơn	hát	sử	thôi.

Dịch :

Mưa móc là con đường phiền não
Trên núi vô minh tạo sấm, mây
Thổi tre canh vạc, lửa bị tắt
Kiếm cây, Đao núi giục ra đây.

Bài số 31 :

春	深	不	放	白	牛	閒
Xuân	thâm	bất	phóng	bạch	ngưu	nhàn
依	舊	隨	群	入	亂	山
Y	cựu	tuỳ	quần	nhập	loạn	sơn
拽	杷	牽	犁	償	宿	債
Duyệt	ba	khiên	ly	thường	túc	trái
尾	巴	再	露	與	人	看.
Vĩ	ba	tái	lộ	dữ	nhân	khán.

Dịch :

Xuân thâm chẳng thả rong trâu trắng
Như cũ mặc theo bầy vào non
Kéo lê cái cầy là của nợ
Lộ cả cái đuôi cho người nom.

Bài số 32 :

荷	葉	團	團	團	似	鏡
Hà	diệp	đoàn	đoàn	đoàn	tự	kính
菱	角	尖	尖	尖	似	錐
Lăng	giác	tiêm	tiêm	tiêm	tự	chuỳ
風	吹	柳	絮	毛	球	走
Phong	xuy	liễu	nhứ	mao	cầu	tẩu
雨	打	梨	花	蛺	蝶	飛.
Vũ	đả	lê	hoa	kiệp	điệp	phi.

Dịch :

Lá sen kết đoàn như là kính
Củ ấu nhòn nhọn như là chuỳ
Gió thổi tơ liễu, lông cầu động
Mưa xuống hoa lê, bươm bướm bay.

Bài số 33 :

身	世	悠	悠	不	繫	舟
Thân	thế	du	du	bất	kích	chu
得	隨	流	處	且	隨	流
Đắc	tuỳ	lưu	xứ	thả	tuỳ	lưu

今	朝	有	酒	今	朝	醉
Kim	triều	hữu	tửu	kim	triều	tuý
明	日	無	錢	明	日	愁.
Minh	nhật	vô	tiền	minh	nhật	sầu.

Dịch :

Thân thế êm đềm, thuyền chẳng buộc
Tới đâu thì tới, có gì đâu
Ngày nay có rượu, say tuý luý
Ngày mai không tiền, ngày mai sầu.

Bài số 34 :

斜	風	細	雨	到	來	時
Tà	phong	tế	vũ	đáo	lai	thời
我	本	無	家	何	處	歸
Ngã	bổn	vô	gia	hà	xứ	quy
仰	看	雲	天	真	箬	笠
Ngưỡng	khán	vân	thiên	chân	nhược	lạp
旋	收	江	海	入	蓑	衣.
Toàn	Thu	giang	hải	nhập	thoa	y .

Dịch :

Gió nghiêng, mưa nhỏ, đến khi tới
Tôi vốn không nhà trở về rồi

Ngửng nhìn mây trời, phải đội nón
Chuyển đổi sông bể mặc áo tơi.

Bài số 35

黃	獨	將	看	炊	作	飯
Hoàng	độc	tương	khan	xuy	tác	phạn
白	牛	今	已	牧	來	純
Bạch	ngưu	kim	dĩ	mục	lai	thuần
钁	頭	活	計	時	時	用
Quắc	đầu	hoạt	kế	thời	thời	dụng
物	外	家	風	處	處	親.
Vật	ngoại	gia	phong	xứ	xứ	thân.

Dịch :

Riêng xem lửa vàng nấu chin bữa
Ngày nay trâu trắng mục tử thuần
Luôn luôn dùng mẹo ở mọi lúc
Gia phong vật ngoại chốn chốn thân.

Bài số 36 :

劫	火	洞	然	宜	煮	茗
Kiếp	hoả	động	nhiên	nghi	chử	danh
嵐	風	大	作	好	乘	涼
Lam	phong	đại	tác	hảo	thừa	lương

四 蛇 同 篋 看 他 弄
Tứ xà đồng khiếp khán tha lộng
二 鼠 侵 藤 不 自 量.
Nhị thử xâm đằng bất tự lương.

Dịch :

Kiếp hoả động nhiên, trà nên nấu
Cơn gió lớn làm mát mẻ trời
Bốn rắn ở trong cùng một hộp
Hai con chuột cắn giây leo rơi.

Bài số 37 :

月 兔 影 沉 雲 母 地
Nguyệt thố ảnh trầm Vân Mẫu địa
海 禽 夢 臥 珊 瑚 枝
Hải cầm mộng ngoạ san hồ chi
端 坐 環 中 虛 白 處
Đoan toạ hoàn trung hư bạch xứ
縱 經 塵 劫 個 難 移.
Sỉ kinh trần kiếp cá nan di .

Dịch :

Thỏ trắng ảnh chìm đất Vân Mẫu
Chim biển mơ ngủ cành san hô
Ngồi nghiêm trong vòng hư trắng ấy
Bụi từ bao kiếp khó rời đi.

Bài số 38 :

色	見	聲	求	也	不	妨
Sắc	kiến	thanh	cầu	dã	bất	phương
百	花	影	裡	繡	鴛	鴦
Bách	hoa	ảnh	lý	tú	uyên	ương
自	從	識	得	金	針	後
Tự	tùng	thức	đắc	kim	châm	hậu
一	任	風	吹	滿	袖	香.
Nhất	nhậm	phong	xuy	mãn	tụ	hương.

Dịch :

Sắc thân cầu tiếng cũng không ngại
Ảnh của trăm hoa thêu uyên ương
Từ khi biết được kim vàng ấy
Mặc kệ gió thổi, tay áo hương.

Bài số 39 :

散 盡 浮 雲 落 盡 花

Tản	tận	phù	vân	lạc	tận	hoa
到	頭	明	月	是	生	涯
Đáo	đầu	minh	nguyệt	thị	sinh	nhai
天	垂	六	幕	千	山	外
Thiên	thuỳ	lục	mộ	thiên	sơn	ngoại
何	處	清	風	不	舊	家.
Hà	xứ	thanh	phong	bất	cựu	gia .

Dịch :

Mây trôi bay hết, hoa rụng hết
Cuối cùng trăng sáng chiếu thiên nhai
Hoa trời sáu bức, ngoài ngàn núi
Chỗ nào gió mát, chẳng nhà tôi.

Bài số 40 :

聞	見	覺	知	非	一	一
Văn	kiến	giác	tri	phi	nhất	nhất
山	河	不	在	鏡	中	觀
Sơn	hà	bất	tại	kính	trung	quan
霜	天	月	落	夜	將	半
Sương	thiên	nguyệt	lạc	dạ	tương	bá
誰	共	澄	潭	照	影	寒.
Thuỳ	cộng	trừng	đàm	chiếu	ảnh	hàn.

Dịch :

Nghe, thấy, giác tri, không nhất nhất
Sông, núi không ở trong kính đâu
Sương trời trăng lặn đêm quá nửa
Ai cùng đèn hồ chiếu lạnh đâu.

Bài số 41 :

蚌	含	玄	兔	旨	何	深
Bạng	hàm	huyền	thố	chỉ	hà	thâm
體	用	明	來	絕	古	今
Thể	dụng	minh	lai	tuyệt	cổ	kim
雪	曲	唱	高	和	還	寡
Tuyết	khúc	xướng	cao	hoà	hoàn	quả
不	知	何	處	是	知	音.
Bất	tri	hà	xứ	thị	tri	âm .

Dịch :

Trai ngoạm chân thỏ huyền sâu lắm
Sông, núi không nhìn trong gương đâu
Tuyết rơi xuống nhiều còn không đủ
Chẳng biết tri âm ở nơi đâu ?

Bài số 42 :

若	言	琴	上	有	琴	聲
Nhược	ngôn	cầm	thượng	hữu	cầm	thanh
放	在	匣	中	何	不	鳴
Phóng	tại	hạp	trung	hà	bất	minh
若	言	聲	在	指	頭	上
Nhược	ngôn	thanh	tại	chỉ	đầu	thượng
何	不	於	君	指	上	聽.
Hà	bất	ư	quân	chỉ	thượng	thính.

Dịch :

Nếu tin trên đàn có tiếng đàn
Xếp vào trong hộp, không tiếng đàn
Nếu tin tiếng phát trên đầu ngón
Sao không nghe đầu ngón tiếng đàn.

Bài số 43 :

言	下	忘	言	一	時	了
Ngôn	hạ	vong	ngôn	nhất	thời	liễu
夢	中	說	夢	兩	重	虛
Mộng	trung	thuyết	mộng	lưỡng	trọng	hư
空	花	哪	得	兼	求	果
Không	hoa	na	đắc	kiêm	cầu	quả

陽 焰 如 何 更 覓 魚.

Dương diệm như hà cánh mịch ngư.

Dịch :

Lúc nói xong liền quên mất đi
Trong mộng nói mộng đều là hư
Hoa không nào cần được kết quả
Lửa mạnh há tìm được cá ư ?

Bài số 44 :

僧 家 亦 有 芳 春 興
Tăng gia diệc hữu phương Xuân hứng
自 是 禪 心 無 滯 境
Tự thị thiền tâm vô trệ cảnh
君 看 池 水 湛 然 時
Quân khán trì thuỷ trạm nhiên thời
何 曾 不 受 花 枝 影.
Hà tăng bất thụ hoa chi ảnh .

Dịch :

Nhà tăng chẳng có hương thơm ấy
Không sương vấn cảnh là thiền tâm
Khi nhìn nước ao trong trẻo thế
Không bị ảnh hưởng của bóng râm.

Bài số 45 :

四	大	無	主	復	如	水
Tứ	đại	vô	chủ	phục	như	thuỷ
遇	曲	逢	直	無	彼	此
Ngộ	khúc	phùng	trực	vô	bỉ	thử
觸	境	但	似	水	無	心
Xúc	cảnh	đản	tự	thuỷ	vô	tâm
在	世	縱	橫	有	何	事.
Tại	thế	sỉ	hoành	hữu	hà	sự .

Dịch :

Bốn đại không chủ như là nước
Ngộ khúc gập chân không ta, người
Giống nước không tâm khi xúc cảnh
Tung hoành có chuyện gì trên đời.

Bài số 46 :

獨	秀	枝	頭	不	覺	伸
Độc	tú	chi	đầu	bất	giác	thân
狂	蜂	浪	蝶	競	相	春
Cuồng	phong	lãng	điệp	cạnh	tương	Xuân
誰	堪	作	任	蓮	華	使
Thuỳ	kham	tác	nhiệm	liên	hoa	sử

自 有 楞 嚴 入 定 人.

Tự hữu Lăng Nghiêm nhập định nhân.

Dịch :

Riêng trổ đầu ngọn, bất giác ruỗi
Ong cuồng, sóng bướm đua Xuân thiên
Ai kham xử dụng hoa sen chứ
Chỉ người nhập định kinh Hoa Nghiêm.

Bài số 47 :

玉 寶 蓮 台 勝 祖 乘

Độc tú chi đầu bất giác thân

寒 門 任 甚 喜 榮 登

Cuồng phong lãng điệp cạnh tương Xuân

青 衣 一 襲 無 他 物

Thuỳ kham tác nhiệm liên hoa sử

唯 有 楞 嚴 續 萬 稱.

Tự hữu Lăng Nghiêm nhập định nhân.

Dịch :

Đài sen, bảo ngọc thắng dòng tổ
Cửa lạnh rất vui được đèn soi
Áo xanh một bộ, không vật khác
Duy có Hoa Nghiêm đọc vạn lời.

Bài số 48 :

日	滿	翺	翔	在	碧	宵
Nhật	mãn	cao	tường	tại	bích	tiêu
青	山	綠	水	唱	歌	謠
Thanh	sơn	lục	thuỷ	xướng	ca	dao
流	香	但	願	不	曾	老
Lưu	hương	đản	nguyện	bất	tăng	lão
自	在	雲	中	自	在	搖.
Tự	tại	vân	trung	tự	tại	dao .

Dịch :

Một thời bay lượn trong đêm biếc
Núi xanh, nước lục xướng ca dao
Hương vương tình nguyện không lão hoá
Tự tại trong mây tự đảo chao.

Bài số 49 :

喜	入	如	來	高	妙	第
Hỷ	nhập	như	lai	cao	diệu	đệ
青	雲	踏	步	不	為	希
Thanh	vân	đạp	bộ	bất	vi	hy
無	端	白	屋	生	光	耀
Vô	đoan	bạch	ốc	sinh	quang	diệu

不 負 西 門 一 桂 依.

Bất phụ Tây môn nhất quế y .

Dịch :

Vui được làm đệ tử Như Lai
Đạp bước mây xanh chẳng hiếm hoi
Vô cớ nhà trắng phát ra sáng
Manh áo quế chẳng phụ môn Tây.

Bài số 50 :

攀 枝 水 中 映 花 紅

Phan chi thuỷ trung ánh hoa hồng

岸 上 芳 容 柳 色 豐

Ngạn thượng phương dung liễu sắc phong

和 暢 無 生 歡 慶 日

Hoà xướng vô sanh hoan khánh nhật

時 常 百 葉 送 春 風.

Thời thường bách diệp tống Xuân phong.

Dịch :

Vin cành trong nước, ánh hoa hồng
Trên bờ, dương liễu, hương thơm nồng
Thông, sướng khiến cho ngày vui vẻ
Trăm lá thường bay theo gió Xuân.

Bài số 51 :

爐	香	靜	坐	清	閒	心
Lô	hương	tĩnh	toạ	thanh	nhàn	tâm
突	聞	窗	外	曲	唱	音
Đột	văn	song	ngoại	khúc	xướng	âm
不	動	一	念	起	秋	收
Bất	động	nhất	niệm	khởi	thu	thu
以	是	萬	穗	黃	如	金.
Dĩ	thị	vạn	tuệ	hoàng	như	kim .

Dịch :

Lò hương, tĩnh toạ, thanh nhàn tâm
Chợt nghe ngoài cửa xướng khúc âm
Một niệm thâu thu vào không động
Mọi sự toả sáng giống như vàng.

Thơ Thiền Hiện Đại

Bài số 1 :

現 代 禪 詩 過 了
Ngận đa nhân lai qua liễu
很 多 人 坐 過 了
Ngận đa nhân toạ qua liễu
很 多 人 離 去 了
Ngận đa nhân ly khứ liễu
只 有 這 把 竹 椅 子 沒 有 來 過
Chỉ hữu giá bả trúc y tử một hữu lai qua
也 沒 有 離 去
Dã một hữu ly khứ
他 的 心 是 空 的.
Tha đích tâm thị không đích.

Dịch :

Nhiều người đến
Nhiều người ngồi
Nhiều người rời khỏi
Chỉ có ghế tre là không tới nơi
Cũng không rời khỏi
Vì tâm, nó không nơi

Bài số 2 :

當 暮 色 裝 飾 著 雨 後 的 窗 子

Đương mộ sắc trang sức trước vũ hậu đích song tử

我 便 從 這 裡 探 測 出 遠 山 的 深 度

Ngã tiện tùng giá lý tham trắc xuất viễn sơn đích thâm đạc

在 窗 玻 璃 上 呵 一 口 氣

Tại song pha ly thượng kha nhất khẩu khí

再 用 手 指 畫 一 條 長 長 的 小 路

Tái dụng thủ chỉ hoạ nhất điều trường trường đích tiểu lộ

以 及 小 路 盡 頭 的

dĩ cập tiểu lộ tận đầu đích

一 個 背 影 有 人 從 雨 中 而 去.

Nhất cá bối ảnh hữu nhân tùng vũ trung nhi khứ.

Dịch :

Chiều rơi, sau cơn mưa, trang sư sáng tác dưới song cửa
Từ nơi này nhìn về núi xa
Nơi cửa kính pha lê a lên một tiếng !
Lại dùng ngón tay vẽ một con đường nhỏ,
Cuối đường bóng lưng một người trong mưa đi ra

Bài số 3 :

早 上 開 放 的 牽 牛 花 , 中 午 即 謝

Tảo thượng khai phóng đích khiên ngưu hoa , trung ngọ tức tạ

中 午 開 放 的 旅 花 , 晚 上 即 謝

Trung ngọ khai phóng đích lữ hoa , vãn thượng tức tạ

晚 上 開 放 的 葫 蘆 花 , 次 晨 即 謝

Vãn thượng khai phóng đích hồ lô hoa , thứ thần tức tạ

生 命 雖 很 短 暫 , 卻 都 有 時 間 性

Sinh mệnh tuy ngận đoản tạm , khước đô hữu thời gian tính

快 快 地 回 去 , 卻 不 知 該 回 到 哪 裡.

Khoái khoái địa hồi khứ , khước bất tri cai hồi đáo na lý .

Dịch :

Sáng sớm, thả khiên ngưu hoa, trưa cảm tạ
Buổi trưa, thả thí hoa, chiều cảm tạ
Buổi chiều, thả hoa lau, cảm tạ ngày mai
Sinh mạng ngắn, tạm không có thời gian ạ !
Mau mau trở về
Nhưng không biết về đâu cả.

Bài số 4 :

唯 一 可 信 賴 的

Duy nhất khả tín lại đích

是 庫 拉 卡 克 山 上 的 雪

Thị khố lạp tạp khắc sơn thượng đích tuyết

田 野 和 樹 林

Điền dã hoà thụ lâm

解 凍 結 凍 解 凍

Giải đống kết đống giải đống

根 本 不 能 相 信.

Căn bản bất năng tương tín.

今 天 山 上 起 了 風 暴

Kim thiên sơn thượng khởi liễu phong bạo

像 一 團 模 糊 的 泡 沫
Tượng nhất đoàn mô hồ đích bào mạt
這 是 真 的
Giá thị chân đích

但 唯 一 的 一 點 希 望
Đản duy nhất đích nhất điểm hy vọng
仍 是 庫 拉 卡 克 山 上 的 雪.
Nhưng thị khố lạp tạp khắc sơn thượng đích tuyết.

Dịch :

Duy nhất đáng tin là tuyết núi Khố Lạp Khải Khắc
Ruộng hoang và cây rừng
Trừ cái lạnh
Căn bản không tin được rằng
Ngày nay, trên núi nổi gió bạo
Giống một đám bọt nước, là thật đấy, nhưng có một tia mong chờ
Là tuyết núi Khố Lạp Khải Khắc cơ.

Bài số 5 :

出 生 那 刻
Xuất sinh na khắc
所 有 的 都 已 失 去
Sở hữu đích đô dĩ thất khứ
除 了 生 命
Trừ liễu sinh mệnh

漫 長 的 一 生 啊
Mạn trường đích nhất sinh a
以 為 是 經 歷
Dĩ vi thị kinh lịch
其 實 是 尋 找
Kỳ thực thị tầm trảo
讓 我 們 獨 一 無 二 的，天 命.
Nhượng ngã môn độc nhất vô nhị đích, thiên mệnh
有 時 能 醒 悟，有 的 相 忘於 江 湖
Hữu thời năng tỉnh ngộ, hữu đích tương vong ư giang hồ
當 終 於 重 逢 而 泣，青 冥 有 天
Đương chung ư trọng phùng nhi khấp, thanh minh hữu thiên
香 飄 落，編 織 回 家 的 旋 律
hương phiêu lạc, biên chức hồi gia đích toàn luật
蓮 花 睡 開 了 時 間，誰 家 的 蝴 蝶
Liên hoa thuỵ khai liễu thời gian, thuỳ gia đích hồ điệp
又 扇 動 著 夢 的 漣 漪
hựu phiến động trứ mộng đích liên y
琴 有 鬆 風 聽 古 韻，茶 無 心 念
Cầm hữu tông phong thính cổ vận, trà vô tâm niệm
起 真 香
khởi chân hương
何 時 無 幻 影，隨 處 有 空 心
Hà thời vô ảo ảnh, tuỳ xứ hữu không tâm
空 乃 禪 之 大 字，看 不 空 夢 幻
Không nãi Thiền chi đại tự, khan bất không mộng ảo

大 千 難 得 禪 之 三 昧
đại thiên nan đắc Thiền chi tam muội
茶 起 禪 空 香 自 在 , 琴 鳴 道 妙
Trà khởi Thiền không hương tự tại, cầm minh đạo diệu
韻 天 成
vận thiên thành
此 聯 有 四 種 微 妙 讀 法.
Thử liên hữu tứ chúng vi diệu đậu pháp

Dịch :

Sinh ra lúc đó, những gì còn đã mất, trừ sinh mạng
Chầm chậm sinh trưởng, một đời kinh lịch, kỳ thật là tìm thiên mạng có một không hai
Có lúc có thể ngộ, có lúc quên giang hồ, có lúc trùng phùng mà khóc
Buổi tối có lúc hương trời rơi xuống thành lệ về nhà, lúc hoa sen nở ra, bươm bướm nhà ai
Phẩy quạt gợn nước mộng, tóc rối nghe điệu cổ, uống trà vô niệm khởi chân hương, lúc nào không ảo cảnh
Tuỳ chỗ có không tâm
Với thiền không là một chữ lớn, quán bất không mộng ảo khó được tam muội, uống trà Thiền không hương tự tại
Tiếng đàn Đạo, diệu vận đã thành.

Bài số 6 :

南	拳	北	腿	少	林	棍
Nam	quyền	Bắc	thối	Thiếu	Lâm	côn
衛	國	保	寺	健	自	身

Vệ	quốc	bảo	tự	kiện	tự	thân
崇	禪	尚	武	少	林	人
Sung	thiện	thượng	vũ	Thiếu	Lâm	nhân
愛	國	護	教	少	林	魂
Ái	quốc	hộ	giáo	Thiếu	Lâm	hồn
不	爭	和	合	少	林	心
Bất	tranh	hoà	hợp	Thiếu	Lâm	tâm
止	惡	揚	善	少	林	根
Chỉ	ác	dương	thiện	Thiếu	Lâm	căn
以	德	服	人	消	貪	瞋
Dĩ	đức	phục	nhân	tiêu	tham	sân
後	發	製	人	少	林	門
Hậu	phát	chế	nhân	Thiếu	Lâm	môn
孝	順	師	僧	父	母	親
Hiếu	thuận	sư	tăng	phụ	mẫu	thân
守	法	持	戒	遵	祖	訓
Thủ	pháp	trì	giới	tuân	tổ	huấn
農	禪	立	寺	為	根	本
Nông	thiền	lập	tự	vi	căn	bổn
醫	禪	濟	世	救	窮	困
Y	Thiền	tế	thế	cứu	cùng	khốn
慈	悲	為	懷	盡	施	捨
Từ	bi	vi	hoài	tận	thi	xả
放	下	名	利	不	是	貧
Phóng	hạ	danh	lợi	bất	thị	bần

武	醫	為	媒	弘	佛	法
Vũ	y	vi	môi	hoằng	Phật	pháp
少	林	弟	子	正	精	神.
Thiếu	Lâm	đệ	tử	chánh	tinh	thần.

Dịch :

Chưởng Nam, về Bắc gậy Thiếu Lâm
Giữ nước, giữ chùa mạnh khoẻ thân
Người Thiếu Lâm rất là thượng võ
Yêu nước, hộ Đạo hồn Thiếu lâm.
Tâm Thiếu Lâm không tranh, hoà hợp
Ngừng ác, dương thiện gốc Thiếu Lâm
Lấy đức phục người tham, sân hết
Người tiết chế là người Thiếu Lâm
Hiếu thuận chư tăng và cha mẹ
Giữ pháp, giữ giới theo Tổ lời
Nông Thiền lập chùa làm gốc rễ
Y thiền cứu cùng khốn, cứu đời
Hết lòng từ bi và hỷ xả
Bỏ xuống danh lợi, chẳng là bần
Võ y mưu cầu hoằng pháp Phật
Là tinh thần đệ tử Thiếu Lâm.

Bài số 7 :

少	林	禪	院	復	古	風
Thiếu	Lâm	thiền	viện	phục	cổ	phong
枯	樹	新	芽	迎	春	生
Khô	thụ	tân	nha	ngênh	Xuân	sanh
直	指	人	心	觀	本	性

Trực	chỉ	nhân	tâm	quán	bổn	tánh
見	性	成	佛	定	禪	宗
Kiến	tánh	thành	Phật	định	Thiền	tông
禪	文	禪	武	禪	醫	生
Thiền	văn	Thiền	vũ	Thiền	y	sanh
禪	茶	禪	食	禪	農	耕
Thiền	trà	Thiền	thực	Thiền	nông	canh
禪	語	禪	詩	禪	公	案
Thiền	ngữ	Thiền	thi	Thiền	công	án
禪	書	禪	畫	禪	樂	鳴
Thiền	thư	Thiền	hoạ	Thiền	lạc	minh
禪	慈	禪	孝	禪	法	通
Thiền	từ	Thiền	hiếu	Thiền	pháp	thông
禪	堂	禪	師	禪	寶	經
Thiền	đường	Thiền	sư	Thiền	bảo	kinh
皈	依	三	寶	佛	法	僧
Quy	y	Tam	Bảo	Phật	Pháp	Tăng
皈	依	自	性	覺	正	淨
Quy	y	tự	tánh	giác	chánh	tịnh
清	規	戒	律	謹	守	持
Thanh	quy	giới	luật	cẩn	thủ	trì
依	教	奉	行	渡	眾	生
Y	giáo	phụng	hành	độ	chúng	sinh
自	力	更	生	勤	勞	動
Tự	lực	cánh	sinh	cần	lao	động

依	法	依	己	證	修	行
Y	pháp	y	kỷ	chứng	tu	hành
行	住	坐	臥	戒	定	慧
Hành	trú	toạ	ngoạ	Giới	Định	Tuệ
消	滅	妄	念	是	大	乘
Tiêu	diệt	vọng	niệm	thị	đại	thừa
少	林	弟	子	要	牢	記
Thiếu	Lâm	đệ	tử	yêu	lao	ký
愛	國	護	教	佛	法	興.
Ái	quốc	hộ	giáo	Phật	Pháp	Hưng.

Dịch :

Thiếu Lâm thiền viện phong thái cổ
Cây khô, mầm mới đón Xuân nồng
Chỉ thẳng tâm người quán bản tánh
Thấy tánh thành Phật định Thiền tông
Thiền y, Thiền văn với Thiền võ
Thiền trà, Thiền thực, Thiền nông canh
Thiền ngữ, Thiền thi, Thiền công án
Thiền hoạ, Thiền thư, Thiền âm thanh
Thiền pháp thông Thiền tử và hiếu
Thiền đường, Thiền bảo kinh, Thiền thi
Phật, Pháp, Tăng quy y Tam bảo
Chánh giác tự tánh, tôi quy y.